

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VIỆT YÊN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 42/2025/HNGĐ - ST
Ngày: 06-6-2025
V/v tranh chấp ly hôn, con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Tấn

Ông Nguyễn Quang Kim

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 06/6/2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 82/2025/TLST-HNGĐ ngày 13/3/2025, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2025/QĐST-HNGĐ ngày 21/5/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị L – sinh năm 1988 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố K, phường Q, thị xã V, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Anh Nguyễn Đình T – sinh năm 1985 (vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt)

HKTT: Thôn M, xã N, thị xã V, tỉnh Bắc Giang.

Hiện đang chấp hành án tại Đội 10, phân trại 2 thuộc Trại giam Y, cục C, Bộ C1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai tại Toà án, nguyên đơn chị Đỗ Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Đình T kết hôn với nhau ngày 18/11/2005 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện V (nay là UBND xã N, thị xã V), tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn, chị và anh T sống chung cùng nhau ngay, sống cùng gia đình anh T, không có thời gian ở riêng. Quá trình chung sống hạnh phúc khoảng 15 năm sau phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T chơi bời, rượu chè say xỉn thường xuyên đánh đập chị. Ngoài ra, anh T còn nghiện ma túy, chị và gia đình khuyên ngăn anh T thay đổi và từ bỏ ma túy

nhưng anh T không thay đổi. Chính quyền địa phương không hòa giải gì cho vợ chồng. Do sử dụng ma túy và mua bán ma túy nên năm 2021, anh T đã bị bắt, bị xét xử với mức án 07 năm 06 tháng tù. Hiện nay anh T đang chấp hành án phạt tù tại C, Đội 10, Trại giam Y, huyện P, tỉnh Sơn La. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Từ khi anh T đi chấp hành án, chị không thăm nom gì. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 03 con chung là Nguyễn Thị T1, sinh ngày 14/9/2006; Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 30/10/2007; Nguyễn Đình H, sinh ngày 09/7/2009. Hiện nay, cháu T1 đã trưởng thành, có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị yêu cầu Tòa án giao cho chị tôi trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Tuấn A và cháu H.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu anh T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng, tài sản chung, công nợ, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Đình T trình bày: Về quan hệ hôn nhân: anh và chị L có đăng ký kết hôn tại UBND xã N. Sau khi cưới vợ chồng về chung sống và làm ăn cùng nhau, quá trình chung sống không có mâu thuẫn. Nay chị L làm đơn ly hôn với anh, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

Về con chung: vợ chồng có 03 con chung, là Nguyễn Thị T1 sinh ngày 14/9/2006, Nguyễn Tuấn A sinh ngày 30/10/2007 và Nguyễn Đình H sinh ngày 09/7/2009. Anh đề nghị Tòa án giải quyết để cả ba cháu ở với nhau, chờ ngày anh hết án thì anh có trách nhiệm nuôi con, do từ ngày anh bị bắt, chị L đã bỏ cả gia đình và 03 con để các cháu tự ở với nhau.

Về tài sản: anh và chị L không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện anh đang chấp hành án không thể đến Tòa án làm việc được, anh đã có lời khai trong hồ sơ nên anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn và con chung, ngoài ra không yêu cầu giải quyết gì khác.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, hội đồng xét xử đã công bố lời khai của bị đơn, nguyên đơn không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật. Việc gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định.

Về ý kiến giải quyết vụ án:

Đề nghị HĐXX Áp dụng Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 56; 57; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/NQ – UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: cho chị Đỗ Thị L được ly hôn anh Nguyễn Đình T

Về con chung: giao cho chị Đỗ Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là Nguyễn Tuấn A sinh ngày 30/10/2007 và Nguyễn Đình H sinh ngày 09/7/2009. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con các đương sự không yêu cầu giải quyết. Anh T được quyền thăm nom con chung theo quy định, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

Án phí: Chị Đỗ Thị L phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và thẩm tra chứng cứ tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn là anh Nguyễn Đình T, địa chỉ: Thôn M, xã N, thị xã V, tỉnh Bắc Giang. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

[2] Về việc vắng mặt anh T: Tại phiên toà anh T vắng mặt nhưng anh đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị L và anh Nguyễn Đình T đăng ký kết hôn vào ngày 18/11/2005 tại UBND xã N, huyện V (nay là thị xã V, tỉnh Bắc Giang). chị Đỗ Thị L và anh Nguyễn Đình T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị L xin ly hôn, anh T đồng ý ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh T đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị Đỗ Thị L được ly hôn anh Nguyễn Đình T.

[4] Về con chung: vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Thị T1, sinh ngày 14/9/2006; Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 30/10/2007; Nguyễn Đình H, sinh ngày 09/7/2009. Hiện nay cháu T1 đã trưởng thành và có gia đình riêng, nên không yêu cầu giải quyết, cháu Nguyễn Tuấn A và cháu Nguyễn Đình H hiện đang ở cùng chị L. Ly hôn chị L đề nghị được nuôi cả hai con là Nguyễn Tuấn A và Nguyễn Đình H, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh T đề nghị để ba con chung ở

cùng nhau, khi nào anh chấp hành án xong trở về thì anh có trách nhiệm nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy hiện tại anh T đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam, để đảm bảo việc chăm sóc nuôi dưỡng các cháu cần giao cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu Nguyễn Tuấn A và Nguyễn Đình H. Chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Đỗ Thị L và anh Nguyễn Đình T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/NQ – UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án, chị Đỗ Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, cần áp dụng các Điều 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 56; 57; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/NQ – UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Cho Đỗ Thị L được ly hôn anh Nguyễn Đình T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tuấn A sinh ngày 30/10/2007 và cháu Nguyễn Đình H sinh ngày 09/7/2009 cho chị Đỗ Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

3. Án phí: Chị Đỗ Thị L phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng chẵn*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền dự phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng chẵn*) theo biên lai 0001714 ngày 07/3/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Việt Yên. Chị L đã nộp đủ án phí DSST.

Báo cho đương sự có mặt biết quyền kháng trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, báo cho đương sự vắng mặt biết quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND thị xã Việt Yên;
- Chi cục THADS thị xã Việt Yên;
- UBND xã Nghĩa Trung (ĐKKH số 77 ngày 18/11/2005).
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Tuyết